

TÍNH HỒN DUNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỂ HIỆN QUA ĐỐI TƯỢNG THỜ TRONG CÁC NGÔI CHÙA Ở HÀ NỘI

LÊ TÂM ĐẮC^(*)
TẠ QUỐC KHÁNH^(**)

Nhìn tổng quát các tôn giáo ngoại sinh muốn tồn tại và phát triển ở Việt Nam đều tìm cách bản địa hoá để phù hợp với tâm thức tôn giáo đa thần, có tính phiếm thần của cư dân nông nghiệp. Phật giáo cũng không nằm ngoài quy luật này.

Nếu như nhà thờ Công giáo là nơi thờ Chúa Giêsu cùng nhiều vị thánh của tôn giáo này; đình, đền, miếu là nơi thờ thần thánh của tín ngưỡng bản địa; đạo quán là nơi thờ những vị thần linh của Đạo giáo; từ đường là nơi thờ cúng tổ tiên của một dòng họ, v.v... thì chùa là nơi thờ Phật.

Cũng giống như nhiều ngôi chùa Việt trong phạm vi đồng bằng Bắc Bộ và Việt Nam, chùa ở Hà Nội, ngoài thờ Phật, còn thờ nhiều vị thần của các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Tựu trung lại, có thể quy các đối tượng thờ đó vào mấy nhóm sau đây.

1. Thần tự nhiên và nông nghiệp - tiêu biểu là hệ thống Tứ Pháp

Người Việt là cư dân trồng lúa nước. Vì vậy, tâm lí sùng bái các hiện tượng thiên nhiên chi phối đời sống nông nghiệp như mây, mưa, sấm, chớp đã hình thành từ xa xưa. Khi Phật giáo đặt chân vào vùng đất Việt, dễ hiểu là tôn giáo này sẽ tìm đến và dễ dàng kết hợp với tín

ngưỡng nông nghiệp bản địa. Một trong những kết quả của sự “hôn phối” trực tiếp Ấn - Việt này là hệ thống Tứ Pháp, bốn vị thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp, biểu trưng của tín ngưỡng cầu mưa của cư dân nông nghiệp. Bốn vị thần này được hoá thân thành bốn vị Phật: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện - cùng với Man Nương, tạo nên một hệ thống toàn Phật Bà, điều chưa từng thấy ở vùng đất phát tích của đạo Phật. Chức năng thần linh của những vị Phật này song hành trong tín ngưỡng của người dân bản địa. Người dân hướng tới các vị Phật trước hết không phải chỉ để được giải thoát về cõi Tịnh Thổ hay Niết Bàn, mà là mong được cứu độ và bảo hộ cho qua khỏi những thiên tai địch họa. Tại lễ hội các chùa thuộc hệ thống Tứ Pháp, ẩn đằng sau nghi lễ Phật giáo là những tín ngưỡng, nghi thức cầu mưa cầu tạnh, cầu phồn thực của cư dân nông nghiệp lúa nước.

Trung tâm và điển hình của hệ thống chùa Tứ Pháp là ở vùng Thuận Thành (tỉnh Bắc Ninh). Ở Hà Nội, những nơi thờ Tứ Pháp là chùa Keo (Báo Ân Trùng Nghiêm tự), xã Kim

*. ThS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

**.. Trung tâm Thiết kế và Tu bổ Di tích Trung ương.

Sơn, huyện Gia Lâm; chùa Nành (Pháp Vân Cổ tự) xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm; chùa Sét (Cổ Am tự hay Đại Bi tự) phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng; chùa Dâu Thượng Phúc (Phúc Khê tự) xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì. Thực ra, mấy ngôi chùa này đều thờ Pháp Vân, bà chị cả trong hệ thống Tứ Pháp. Tượng vị nữ Thần - Phật này được tạo tác với kích thước lớn, đặt trong khám thờ ở hậu cung.

Theo học giả Hà Văn Tấn, có thể những ngôi chùa đầu tiên (trên đất Việt) vốn là những ngôi đền thờ các thần truyền thống mà người ta đã đặt thêm điện thờ Phật vào đó. Không phải người ta đã đặt tượng Tứ Pháp vào các chùa thờ Phật mà đã đặt bàn thờ Phật vào các đền thờ Tứ Pháp, tức đền thờ các nữ thần nông nghiệp đã có từ trước⁽¹⁾.

2. Thần của các tôn giáo, tín ngưỡng khác

Sự hoà nhập Phật giáo với các tín ngưỡng truyền thống Việt Nam còn được thấy qua một loại chùa được gọi là “tiền Phật hậu Thần” và “tiền Phật hậu Thánh”. Trong các chùa loại này, đằng sau điện thờ Phật là hậu cung thờ một vị thần, một vị thánh. Các vị thần, thánh được thờ đều là những “nhân thần”, những người được coi là có thực, nhưng về sau, nhờ học tập, tu luyện đã có tài thần thông biến hoá, cứu giúp dân làng nên được nhân dân nhiều nơi thờ phụng.

Các vị thần, thánh này chủ yếu xuất hiện trong thời Lý - Trần, tiêu biểu là: Từ Đạo Hạnh (? - 1117), Dương Không Lộ (? - 1119), Nguyễn Minh

Không (1066 - 1141), Thánh Bối (Nguyễn Nữ, tự Bình An, hiệu Đức Minh Chân Nhân), v.v... Từ Đạo Hạnh được coi là hoá thân đầu thai làm vua Lý Thần Tông. Cho nên, các nơi thờ Đạo Hạnh đều thờ Lý Thần Tông. Còn Nguyễn Minh Không thì được coi là người đã chữa được bệnh điên hoá thành hổ của vua Lý Thần Tông tại Hà Nội, chùa Láng (Chiêu Thiên tự), phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thờ Từ Đạo Hạnh; chùa Lý Quốc Sư, 50 phố Lý Quốc Sư, quận Hoàn Kiếm thờ Nguyễn Minh Không (tên thật là Nguyễn Chí Thành, người làng Diêm Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình); chùa Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm thờ Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ, v.v... Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không thuộc phái Thiên Trì Ni Đa Lưu Chi, Dương Không Lộ thuộc phái Thiên Vô Ngôn Thông. Nhưng trong các ngôi chùa ở Hà Nội, họ được thờ không phải với tư cách là thiền sư hay vị tổ, mà như những đức thánh, những vị thần thực sự.

Việc xuất hiện một số nhà sư Phật giáo nhưng lại có pháp thuật thần thông, theo nhiều nhà nghiên cứu, chính là do sự kết hợp tam giáo, phổ biến trong thời Lý - Trần. Về mặt tư tưởng, bắt đầu từ năm 1075, nhà Lý tổ chức khoa thi tam giáo đầu tiên. Còn trong vấn đề mà chúng ta đang xem xét, đối tượng thờ cúng, thực tế cho thấy, Phật giáo đã có sự kết hợp với Đạo giáo. Cụ thể hơn trong một số trường hợp đã được nghiên cứu thì có sự kết hợp của Phật giáo Mật tông và

1. Hà Văn Tấn. *Chùa Việt Nam*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1993, tr. 27.

Đạo giáo. “Đó là sự hỗn hợp trong thờ cúng giữa Phật - Thánh, hay Mật - Thiên - Thánh. Phật giáo Mật tông dễ bắt gặp Đạo giáo bởi tính chất pháp thuật của cả hai thích hợp với nhau. Sự đề cao pháp thuật đã đáp ứng được nhu cầu của người nông dân coi sự phù phép và huyền bí là những phương tiện cứu vớt hữu hiệu, cũng là sự trừ khử hữu hiệu đối với những điềm xấu, những ác thần, ma quỷ”⁽²⁾.

Nho giáo vốn ban đầu là một học thuyết chính trị xã hội, từ đời Tống, tuy đã được tôn giáo hoá, nhưng cơ bản vẫn không phải là đối tượng cầu cúng của đại đa số dân Việt, do tính duy lí, căn bản mang tính hoài nghi đối với thần linh, hướng về xã hội thế tục hơn là thế giới bên kia. Chính vì vậy, ngoài cơ sở thờ tự của tôn giáo này như văn miếu, văn chỉ,... Khổng Tử và các vị Á thánh có thấy được thờ trong các ngôi chùa tuy không nhiều. Trong Phật điện chùa Việt, tượng thần của Đạo giáo hiện diện phổ biến hơn Nho giáo.

Tại Hà Nội, có thể nêu tên hàng loạt ngôi chùa có thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào - Bắc Đẩu, những vị thần tiêu biểu của Đạo giáo. Chẳng hạn như: chùa Tào Sách (Tào Sách tự), phường Nhật Tân, quận Tây Hồ; chùa Bà Già (Bà Già tự), phường Phú Thượng, quận Tây Hồ; chùa Am (Bách Linh Tự), thôn Bát Tràng, huyện Gia Lâm; chùa Bà Ngô (Ngọc Hồ tự), phường Văn Miếu, quận Đống Đa; chùa Dục Khánh (Dục Khánh tự), phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa; chùa Bát Tháp (Bát Tháp tự), phường Đội Cấn, quận Ba Đình; chùa Hàm Long (Hàm Long tự), phường Phan

Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm; chùa Bảo Tháp (Thượng Phúc tự), xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì; chùa Đông Ngàn (Hoàng Kim tự), xã Đông Hội, huyện Từ Liêm;⁽³⁾v.v..

Tượng của bộ ba Ngọc Hoàng, Nam Tào - Bắc Đẩu, hay bộ đôi Nam Tào - Bắc Đẩu thường được đặt ở hàng tượng thứ 4 hoặc 5 trên Phật điện, sát với hàng tượng Thích Ca sơ sinh hay Cửu Long. Sự phổ biến bộ ba hay bộ đôi tượng Đạo giáo này có lẽ do hình thức tương đối giống nhau nên trong nhân dân và Phật tử thủ đô hay nhầm tượng Nam Tào và Bắc Đẩu với tượng Phạm Thiên (Phạm Vương hay Đại Phạm Thiên) và Đế Thích, những vị thần vốn có nguồn gốc Bà La Môn giáo.

Ngoài Đạo giáo và Nho giáo, trong một vài ngôi chùa ở Hà Nội, chúng ta còn thấy dấu vết của các tôn giáo, tín ngưỡng ngoại lai khác.

Chùa Vinh Trù (Vinh Trù tự), 59 Hàng Lược, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm ngoài tượng Phật còn thờ Tứ Vị Hồng Nương, tương truyền là bốn mẹ con một cung phi đời Tống ở

2. Nguyễn Quốc Tuấn. *Mô hình Phật - Thánh qua chùa Bối Khê - Đại Bi (Hà Tây)*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4/2000, tr. 21. Xem thêm các bài: *Về một nghi lễ Mật giáo qua bia tháp Sùng thiện diên linh thời Lý*, của Hà Văn Tấn, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2/2000; *Vấn đề tam giáo qua bài minh trên chuông chùa Thanh Lâm của Nguyễn Mạnh Cường*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4/2000, v.v...

3. Xem thêm: *Hà Nội - Di tích lịch sử văn hoá và danh thắng* của Nguyễn Doãn Chinh (chủ biên), Trung tâm UNESCO Bảo tồn và Phát triển Văn hoá dân tộc Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 2000; *Di tích và văn vật vùng ven Thăng Long* của Đỗ Thịnh, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995.

Trung Hoa, vì chạy giặc Nguyên nên đã bị chết đuối dạt vào vùng biển Cửa Cờn (Nghệ An). Nhưng Tạ Chí Đại Trường đã dẫn nhiều nguồn tư liệu của H. Maspero và chứng minh rằng, Tứ Vị Hồng Nương chính là thần Po Riyak trong hệ thống thần linh Chăm⁽⁴⁾.

Dấu ấn của các thần linh Chăm còn thể hiện khá rõ ở một vài ngôi chùa khác, điển hình là chùa Bà Đanh, một ngôi chùa nổi tiếng nằm ở phía tây bắc của kinh thành Thăng Long xưa. Bia dựng năm 1699 còn lại sau lần phá dỡ năm 1907 chỉ rõ tên Nôm của chùa là Bà Đanh, còn tên Hán là Châu Lâm tự, được dựng lên cho các nữ tù binh Chăm dưới thời vua Lê Thánh Tông (1470 - 1497). Đây là ngôi chùa thờ thần Po Yan Dari (của người Chăm)⁽⁵⁾. Rất tiếc, hiện ngôi chùa không còn. Một vài tượng Phật và di vật khác của chùa Bà Đanh còn sót lại được dân làng Thụy Khuê đưa về chùa Phúc Châu (hiện ở ngõ 199 phố Thụy Khuê).

Ngoài ra, cùng với đình, trong một số chùa từ thế kỷ XVIII, người ta bắt đầu đưa tượng Phỗng vào. Phỗng có khuôn mặt ngộ nghĩnh, với cặp mắt to tròn, khác hẳn khuôn mặt người Việt, thường được tạc trong tư thế quỳ châu, tay chấp trước ngực (hoặc nâng bầu rượu) và được đặt trước bàn thờ thần.

3. Thờ Mẫu

Thờ Mẫu là một tín ngưỡng dân gian bản địa. Nhiều chùa ở Hà Nội thờ Mẫu "Tam Toà" hoặc "Tứ Phủ". Tam Toà gồm Thủy Mẫu (hay còn gọi

là Mẫu Thoải) cai quản thế giới nước, Thượng Thiên Mẫu cai quản thế giới trời, Địa Mẫu cai quản thế giới đất. Tứ Phủ gồm Tam Toà và thêm Mẫu Thượng Ngàn cai quản Nhạc phủ (tức là rừng). Người dân thờ Mẫu để mong đức mẹ che chở, phù hộ, độ trì, mang lại nhiều tài lộc và may mắn. Đến thế kỷ XVII, xuất hiện thêm một vị thánh mẫu có vị trí rất quan trọng trong tín ngưỡng Việt, Mẫu Liễu Hạnh, tức công chúa Liễu Hạnh, người được coi là một trong "Tứ bất tử"⁽⁶⁾ của Việt Nam, cũng là vị thần mà trong dân gian nhiều khi đồng nhất với Mẫu Thiên.

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở người Việt có những cơ sở thờ tự riêng⁽⁷⁾, chẳng hạn như: đền Bắc Lệ (Hữu Lũng, Lạng Sơn), phủ Giày (Nam Định), phủ Tây Hồ (Tây Hồ, Hà Nội), v.v... Nhưng để tồn tại và phát triển trong dân chúng, từ thế kỷ XVII, Mẫu đã bước vào chùa nương bóng Phật. Đây không phải là sự kết hợp một chiều mà là cả hai chiều giữa đạo Phật và đạo Mẫu. Chùa là nơi lí tưởng cho Mẫu dừng chân, ngược lại, nhờ Mẫu mà số lượng người đến chùa đông vui nhộn nhịp hẳn lên.

Ngày nay, trong hầu hết các ngôi chùa ở Hà Nội đều có gian thờ Mẫu, có lẽ chỉ trừ chùa Quán Sứ, cơ quan trung ương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt, ở chùa Diên Khánh

4. Tạ Chí Đại Trường. *Thần, Người và Đất Việt*. Văn nghệ xuất bản, California 1989, tr. 194.

5. Tạ Chí Đại Trường. *Thần, Người và Đất Việt*. Văn nghệ xuất bản, California 1989, tr. 187.

6. "Tứ bất tử" ở Việt Nam gồm: Tản Viên, Thánh Dóng, Chử Đồng Tử và Liễu Hạnh.

7. Cơ sở thờ tự của Đạo Mẫu thường được gọi là Phủ, nhưng ở nhiều vùng dân gian cũng còn gọi là Đền.

(làng Miêu Nha, vùng Canh, huyện Từ Liêm) còn giữ được 04 đạo sắc của các vua Duy Tân, Khải Định phong thần cho các Mẫu: Thiên Tiên (Thanh Vân Công chúa), Địa Tiên (Liễu Hạnh Công chúa), Thủy Tiên (Mẫu Thoải) và Mẫu Thượng Ngàn⁸. Phật tử và nhân dân đến chùa vừa cúng Phật vừa cúng Mẫu. Những năm gần đây, để thu hút con nhang đệ tử, nhiều chùa ở Hà Nội đã trùng tu hoặc xây mới gian Mẫu to đẹp hơn gian Tam Bảo. Người ta gọi đó là hiện tượng “Phật ăn mày Ma”.

4. Các vị nhân thần có công với đất nước

Một đối tượng khác hay được thờ trong chùa ở Hà Nội là các vị quan lại, tướng lĩnh có công với làng, với nước (thực hay ảo) được phong thần, phong thánh. Đa số họ được thờ trong các đình, đền, miếu riêng nhưng cũng có nhiều vị được thờ trong chùa bên cạnh tượng Phật.

Tiêu biểu trong số đó phải kể tới Trần Hưng Đạo (Đức Thánh Trần), được thờ ở chùa Linh Ứng (phường Thổ Quan, quận Đống Đa): Tượng Trần Hưng Đạo ngồi trên long ngai, đầu đội mũ bình thiên, mặc áo long bào, v.v... Tại chùa Ngọc Hồ (phường Văn Miếu, quận Đống Đa) cũng thờ Đức Thánh Trần bên cạnh tượng vua Lê Thánh Tông cùng hai tướng Yết Kiêu và Dã Tượng. Hầu hết các ngôi chùa khác đều có thờ Trần Hưng Đạo trong ban thờ Mẫu.

Ngoài Đức Thánh Trần, nhiều nhân vật lịch sử khác cũng được thờ trong chùa: Chùa Ngọc Quán (phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy)

thờ một vị tướng dưới thời vua Hùng tên là Ngô Long. Chùa Bộc (quận Đống Đa) thờ một pho tượng giống tượng Đức Ông, được coi là Quang Trung Hoàng đế. Chùa Cầu Đông (phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm) thờ Trần Thủ Độ và vợ là Trần Thị Dung. Chùa Dục Khánh (quận Đống Đa) thờ danh nhân Nguyễn Trãi cùng người thiếp yêu của ông là Nguyễn Thị Lộ. Chùa Kim Cổ (quận Hoàn Kiếm) thờ bà Nguyên Phi Ý Lan, v.v... Một số chùa thậm chí còn thờ cả thành hoàng làng và tổ nghề: chùa Phú Xá (Phúc Hoa tự - phường Phú Thượng, quận Tây Hồ) thờ thành hoàng làng Phú Xá; chùa Thiên Niên (Thiên Niên tự, phường Trích Sài, quận Tây Hồ) thờ cung phi Phan Thị Ngọc Đô, tức Bà chúa Dệt Lĩnh (chùa hiện còn bài vị của Bà); chùa Quán La (Khai Nguyên tự, phường Quán La, quận Tây Hồ) thờ vua Đường Minh Hoàng (Trung Hoa) trong gian Mẫu, người được coi là ông tổ của nghề ca hát v.v...

Việc các vị nhân thần được thờ trong chùa có nhiều nguyên nhân: có thể được thờ ngay từ khi có chùa; có thể di dời từ các cơ sở thờ tự khác khi chùa bị phá do chiến tranh hoặc nhiều lí do khác, v.v... Nhưng một nguyên nhân quan trọng, tương tự như trường hợp các chùa thờ Tứ Pháp, một số chùa vốn ban đầu là những ngôi đình. Ngược dòng lịch sử, dưới thời Lý - Trần, nước Đại Việt bước vào thời kì độc lập tự chủ, do đó kinh tế, văn hoá, xã hội, v.v... phát triển phồn thịnh. Những cung đường

8. Đỗ Thịnh. *Di tích và văn vật vùng ven Thăng Long*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995, tr. 105.

đòi hỏi các trạm dừng chân cho người và thuyền bè. Chính vì vậy, chính quyền, hoặc tư nhân đã làm ra những ngôi nhà ven đường đi (đường bộ, hoặc đường sông), gọi là Đình. Có nhiều loại đình khác nhau: đình của vua, đình của hệ thống giao thông nhà nước, đình của thứ dân, v.v... Sang đến đời Trần, ở những ngôi đình trạm ban đầu để giúp người trú, trọ trên cung đường có lẽ đã xuất hiện sự thờ cúng các vị thần của nhân dân mà chính quyền đương thời cho là *tà thần* hay *thần bậy bạ*. Chính vì vậy, nhằm hạn chế sự thờ cúng dân thần, tạp thần trong những ngôi đình, nên năm 1231, Trần Thừa đã bắt các đình trạm dựng tượng thờ Phật⁹. Dần dần, nhiều ngôi đình như thế đã biến thành chùa. Tình trạng Phật được đưa vào các di tích tương tự xảy ra với nhiều ngôi đền, miếu, v.v... Chùa Lý Quốc Sư ở Hà Nội, vốn ban đầu là một ngôi đền.

5. Người gửi hậu

Ở người Việt, có nhiều hình thức thờ hậu: hậu đình, hậu nhà thờ họ; sau này còn có cả hậu ở thánh thất đạo Cao Đài, v.v... Nhưng có lẽ sớm nhất và phổ biến nhất là hậu chùa.

Trong ngôi chùa Việt, việc thờ hậu thường đặt trong gian bái đường hoặc một gian nhà kiến trúc theo kiểu tường hồi bít đốc hai bên ở phía sau chùa. Bàn thờ hậu là một hành lang với những bát hương đặt trước tám bia hậu ghi rõ tên tuổi, quê quán, số lượng tiền của gửi hậu, ngày tháng cúng giỗ hậu, v.v... của những người được cúng hậu. Những người được cúng khi còn sống có đóng góp tiền của, ruộng đất, v.v...

cho chùa thường với mong ước, điều kiện là sau khi chết được nhà chùa hương khói thờ cúng. Do đó, những người gửi hậu thông thường là người không có con cháu nối dõi¹⁰. Nhiều vị có công lớn với chùa khi mất được tạc tượng, tạc phù điêu để thờ. Những bài văn khắc trên bia hậu có tính chất như những bản "hợp đồng" về việc thờ cúng giữa chùa với người gửi hậu.

Hình thức thờ hậu có mối liên hệ với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, đã có lâu đời ở người Việt. Đây là một tập tục đẹp, con cháu phải thờ cúng bố mẹ, ông bà, tổ tiên. Người cúng (hiện tại) là gạch nối giữa quá khứ (ông bà, tổ tiên) với tương lai (con cháu là người sẽ cúng họ sau này). Trong quan niệm dân gian, những người chết cần phải được con cháu thờ cúng hàng năm. Chùa là nơi được nhiều người dân tin tưởng gửi gắm sự thờ cúng, để tránh tình trạng phải "cướp cháo lá đa", do không có con cháu nối dõi. Ngày nay, gần như chùa nào ở Hà Nội cũng có ban thờ hậu. Nhiều chùa được coi là linh thiêng thì số bát hương thờ tại gian hậu rất nhiều.

6. Thờ người có công xây dựng chùa

Thực ra, đối tượng được thờ này có thể đưa vào nhóm thờ hậu, nhưng

9. Tạ Chí Đại Trường. *Thần, Người và Đất Việt*. Văn nghệ xuất bản, California 1989, tr. 162.

10. Tuy vậy, không phải những người có tiền của không có con trai nối dõi đều cúng hậu, và cũng không phải việc cúng hậu chỉ xuất phát từ một nguyên nhân là không có người nối dõi, phụng thờ. Xem Nguyễn Ngọc Quỳnh. *Tục cúng hậu xưa và nay qua các tám bia hậu và thực tế điều tra ở một số chùa Hà Nội*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

chúng tôi muốn xếp thành một mục riêng bởi mục đích đóng góp công sức và số lượng tiền của cho chùa của họ không hoàn toàn giống với những người gửi hậu chùa.

Chùa Việt thường được dựng lên do công sức của cả cộng đồng. Những người có sự đóng góp cho chùa đều được khắc tên để lưu danh hậu thế. Nổi bật trong số họ có những người đã bỏ ra một số lượng lớn tiền của, ruộng đất, đứng ra chủ trì việc trùng tu hay xây dựng chùa. Những người đó không những được ghi tên trên bia đá mà còn được tạc tượng, phù điêu, phong thần, được dân làng nhớ ơn thờ phụng trong chùa.

Đối tượng thờ loại này có khi chỉ là một người dân bình thường như trường hợp bà Phạm Thị Độ, một vú nuôi đã chăm sóc con gái út Trịnh Giang (1729 - 1740) là quận chúa Trịnh Thị Ngọc Liên, đã đem cúng toàn bộ 5 mẫu ruộng và tiền bạc vua ban để xây dựng lại chùa Sùng Quang (xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm) đời vua Lê Ý Tông (1735 - 1740). Đó còn là hai bà già bỏ tiền bạc mua đất dựng chùa làng Gạ (Bà Già tự - Phú Thượng, Tây Hồ); hay một bà vải quê làng Bông Cờ (Thanh Oai, Hà Tây) bỏ tiền ra tu sửa chùa Đình Quán (Phú Diễn, Từ Liêm), được nhân dân địa phương nhớ ơn tạc tượng thờ phụng và đổi tên chùa thành Bà Bông tự, v.v...

Tuy nhiên, ở một nơi là kinh đô của nhiều triều đại phong kiến như Thăng Long - Hà Nội, đối tượng này đa phần là các công chúa, cung phi, quận chúa hay phu nhân của các đại thần, quý tộc các thời, trong đó chủ

ý là vua Lê, chúa Trịnh. Chẳng hạn, chùa Quảng Bá (Quảng An, Tây Hồ) và chùa Nam Dư Thượng (Lĩnh Nam, Thanh Trì) thờ công chúa Nguyễn Thị Ngọc Tú - con gái Nguyễn Hoàng, vợ của Trịnh Tráng (1623 - 1657). Chùa Sét (Tân Mai, Hai Bà Trưng) thờ bà Đặng Thị Ngọc Dao, vợ chúa Trịnh Tùng. Chùa Thiên Niên (Trích Sài, Tây Hồ) thờ cung phi Phan Thị Ngọc Đô. Chùa Láng (Láng Thượng, Đống Đa) thờ công chúa Lê Thị Ngọc, vợ của Trịnh Tạc. Chùa Kim Liên (Tây Hồ) thờ công chúa Quỳnh Hoa, thời Lê Thánh Tông. Chùa Dục Khánh (Tôn Đức Thắng, Đống Đa) thờ thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao. Chùa Mai Động (Mai Động, Hai Bà Trưng) thờ quận chúa Trịnh Thị Ngọc và Trịnh Thị Ngọc Thánh. Chùa Cự Đà (Đa Tốn, Gia Lâm) thờ cung phi Trịnh Thị Ngọc Am, v.v...

Sự thờ cúng đối tượng này phần nào thể hiện tấm lòng biết ơn với những người có công với dân trong vùng. Việc có nhiều người bỏ tiền xây dựng hay trùng tu chùa đã làm cho ở Thăng Long - Hà Nội, nói rộng ra ở cả nước Việt Nam, tuy không có những thiền viện Phật giáo to lớn và đồ sộ mang tính danh lam quốc tự như ở nhiều nước, nhưng hầu như trong mỗi làng, mỗi khu vực đều có ít nhất một ngôi chùa nhỏ làm nơi sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng, gìn giữ và bảo lưu thuần phong mỹ tục, giáo dục truyền thống quê hương cho phật tử và nhân dân trong vùng.

7. Thờ Tổ (các vị sư từng trụ trì)

Mỗi ngôi chùa Việt, ngoài nội cung thờ Phật thường còn có khuôn

viên rộng xung quanh, để xây một hay nhiều ngôi tháp bằng gạch, đá. Đây là những ngôi tháp mộ, bên trong chứa xá lợi, hài cốt hay bài vị các vị sư tổ đã từng trụ trì và viên tịch tại chùa. Chùa Liên Phái (Bạch Mai, Hai Bà Trưng), vườn tháp có 9 ngôi tháp mộ, trong đó có 1 tháp thờ Trịnh Thập - xuất gia năm 1698, biến nhà ở của mình thành chùa Liên Phái và lập ra phái Liên Tôn. Nói chung các tháp mộ thường có mặt bằng hình vuông, cao 2 hoặc 3 tầng. Đây là loại tháp Tu Di Tọa (tháp hình ngọn núi thiêng Merhu, dịch ra âm Hán-Việt là Tu Di). Số tầng của tháp mộ nói lên mức độ đắc đạo của vị sư được thờ. Tháp Phật cao 13 tầng, tháp Bích Chi Phật cao 11 tầng, tháp của A La Hán cao 4 tầng, v.v...⁽¹¹⁾. Chùa nào càng nhiều tháp mộ càng chứng tỏ sự tồn tại lâu dài, sự vững bền của Phật pháp nơi đó.

Có những vị sư tổ được đặt trong khám. Nhiều chùa có những khám thờ đẹp, bên trong là tượng hoặc bài vị sư tổ đầu tiên của chùa. Khám thường làm bằng gỗ, vuông bốn cạnh và có mái cong hình mũi thuyền. Mặt trước, phía cửa khám thường đóng kín hoặc có rèm che tạo sự linh thiêng, thâm nghiêm cho đối tượng được thờ bên trong (khám chùa Bà Tấm ở huyện Gia Lâm).

Phổ biến nhất, tượng các vị sư tổ được bày thành hàng lớp có thứ tự ở Tầng đường (Nhà Tổ) phía sau chùa. Vào ngày giỗ Tổ, nhà chùa thường tổ chức cúng giỗ, nhiều khi rất to, để các đệ tử trong ngôi chùa hoặc cùng sơn môn ở các chùa khác tụ họp để tưởng nhớ công đức của vị sư tổ đã

mất. Đây cũng là dịp để Phật tử và nhân dân trong vùng mang hương hoa, bánh trái đến cúng viếng. Việc cúng giỗ sư tổ chùa có liên quan mật thiết đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt.

8. Những đối tượng thờ khác

Thờ các vong hồn

Theo Phật thoại, Mục Liên (hay Mục Kiền Liên) là một trong những đệ tử thân tín của Đức Phật, muốn báo công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ bèn dùng nhơn tuệ soi xuống âm phủ thấy mẹ mình đang bị giam cầm, chịu cực hình quả báo rất thương tâm. Mục Liên đến dâng cơm cho mẹ, nhưng cơm biến thành đá, bèn trở về xin Đức Phật cứu giúp. Phật phóng hào quang xuống địa ngục, các chúng sinh bị giam cầm được giải thoát, nhưng mẹ của Mục Liên vừa ra khỏi ngục này lại phải vào ngục hắc ám. Mục Liên lại đến bạch với Đức Phật. Phật nói: lòng hiếu thảo của con động cả trời đất nhưng vẫn không đủ giải thoát cho mẹ, phải cậy nhờ tới lòng từ bi của tăng chúng thập phương. Vì lẽ đó, đến ngày 15 tháng 7 hằng năm, phải lập hội Vu Lan thỉnh cầu tăng chúng cứu nguyện giải thoát cho mẹ khỏi chốn địa ngục về với thiên giới. Nhiều chúng sinh khác cũng nhân dịp này được thoát khỏi ngục tối.

Trong lễ cúng các vong hồn (lễ Báo hiếu - lễ Vu Lan), các Phật tử đã diễn lại các tích trò thể hiện gương hiếu thảo của Mục Liên, vạch ra nguyên nhân tội lỗi của con người

11. Nguyễn Duy Hinh. *Tháp cổ Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1992, tr. 38, 39.

và cách diệt trừ. Ở nước ta, lễ Vu Lan cũng chính là ngày Xá tội vong nhân. Phật tử và nhân dân lên chùa để tế lễ, sám hối, bỏ điều ác, theo điều thiện. Nhà chùa tổ chức cúng cháo, hoa quả; đem đồ cháo vào lá đa hoặc thả bè trôi sông cho các cô hồn ăn uống. Đây cũng là một sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Thờ các con vật

Từ thế kỉ XVII trở lại đây, cùng với đình, đền, miếu, v.v... trong nhiều chùa chúng ta thấy sự xuất hiện của nhiều loại tượng các con vật được thờ bên cạnh tượng Phật, tượng thần thánh. Có những tượng con vật mang tính truyền thuyết như: sấu, nghê, hạc, hay bộ tứ linh (long, li, quy, phượng), v.v... nhưng cũng có những tượng mang ý nghĩa đời thực như voi, ngựa, v.v... Tượng các con vật thường được bài trí cặp đôi đăng đối hai bên bàn thờ.

Có chùa, tượng các con vật chỉ mang ý nghĩa như vật trang trí, nhưng ở nhiều nơi, nó thực sự trở thành một đối tượng thờ. Trước tượng con vật có đặt một bát hương. Những chùa có tượng con vật thường là chùa có thờ một vị danh tướng hay một người có công trạng nào đó với đất nước. Thờ những vị tướng đó, người ta đã thờ cả voi, ngựa của họ, những con vật trung thành, giúp đỡ chủ nơi sa trường. Tượng những con vật được thờ đó thường có kích thước to như thật, gắn trên trục có bánh xe đẩy và được rước đi trong những ngày lễ hội.

Bên cạnh đó, hầu hết các gian Mầu của các chùa đều thờ Ông Hồ và Ông

Lốt (hai con rắn). Ông Hồ (đắp thành tượng hay tranh vẽ nhưng vẫn thể hiện được sự hung tợn của một vị chúa sơn lâm) đặt thờ dưới ban công đồng. Ông Lốt thường nằm vắt vẻo trên xà nhà điện Mầu. Đây là hình thức thờ sơn thần và thủy thần của tín ngưỡng dân gian bản địa.

Sự có mặt của tượng động vật không chỉ mang lại vị trí trang nghiêm mà trong một phạm vi nào đó đã tạo ra sự hoà hợp, hài hoà giữa thế giới Phật với thế giới trần tục, tự nhiên đời thường.

Thay lời kết

1. Khoa học về tôn giáo đã chứng minh rằng, từ sự khác nhau về hoàn cảnh địa lí, lịch sử - văn hoá, kinh tế giữa các khu vực và tộc người trên thế giới đã dẫn đến sự ra đời các tôn giáo khác nhau. Ở những miền có nghề chăn nuôi đại gia súc phát triển mới sinh ra chế độ chiếm nô và ý niệm độc thần, còn ở những miền trồng lúa nước, tiêu biểu như vùng Viễn Đông, trong đó có Việt Nam, chỉ có thể sinh ra chế độ cống nạp, từ đó nảy sinh ý niệm nhiều thần, tâm thức phiếm thần. Chính vì vậy, người Việt xưa tin vào nhiều vị thần, trong đó chủ yếu là nhân thần và các nhiên thần. Các vị Phật khác nhau, trong con mắt của người dân Việt, cũng là những vị thần. Do đó, không lấy gì làm lạ khi chúng ta bắt gặp cảnh tượng trong khuôn viên một ngôi chùa người dân khấn vái, cầu xin từ Tam Bảo đến điện Mầu, từ một góc cây cổ thụ đến một ụ đất do mối đùn lên, v.v...

2. Có lẽ cũng chính từ tâm thức đa thần, phiếm thần (dễ dàng chấp

nhận đối tượng thờ của nhiều tôn giáo trên một diện thờ) đã dẫn tới một đặc điểm tôn giáo tín ngưỡng khác ở người Việt, tính "Hoà nhi bất đồng" hay tính bao dung, không kì thị tôn giáo. Tính hoà nhi bất đồng thể hiện rõ nhất ở sự hoà hợp tam giáo: Nho - Phật - Đạo, còn được gọi là "Tam giáo đồng nguyên", hay "Tam giáo đồng quy". Do tính bao dung, không kì thị tôn giáo mà trong lịch sử Việt Nam không có chiến tranh tôn giáo.

3. *Đạo Thờ cúng Tổ tiên* hay *đạo thờ Tổ* (3 cấp hay 4 cấp)⁽¹²⁾ có thể nói là đạo gốc trong hệ thống tôn giáo tín ngưỡng người Việt. Các tôn giáo ngoại sinh hay nội sinh, muốn tồn tại và phát triển trên vùng đất này đều phải kết hợp với hình thức tín ngưỡng này.

4. Lịch sử cho thấy, Phật giáo, một tôn giáo thế giới, du nhập vào đất nước nào thì hội nhập vào nền văn hoá, vào đời sống của dân tộc ấy như một bộ phận cấu thành không thể tách rời, *như sữa hoà với nước*. Phật giáo có mặt tại nước ta khoảng đầu Công nguyên, quá trình hội nhập khởi sự từ đó và tiếp tục cho đến ngày nay. Do tính thích ứng cao của Phật giáo, nên ở nước ta trong lịch sử, nhất là từ thế kỉ XVI đến nay, Phật giáo chịu ảnh hưởng mạnh tư tưởng của người bình dân. Đó không chỉ là một đạo Phật với những triết

lí cao siêu, luôn khuyên con người tu hành giải thoát ngay tại hiện thế, mà còn là một thứ Phật giáo gắn liền với đời sống xã hội. Nó thu nhận nhiều yếu tố của Đạo giáo, Nho giáo và kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tự nhiên với các yếu tố văn hoá tâm linh vốn có ở cư dân bản địa như tục cúng hậu, thờ cúng tổ tiên, thờ thần nông nghiệp, thờ những người có công với đất nước, v.v... Chùa không phải chỉ là nơi tu hành của những người xuất gia theo Phật mà còn là nơi đáp ứng nhiều nhu cầu của nhân dân: tôn giáo tín ngưỡng, học tập, chữa bệnh, sinh hoạt cộng đồng. Nhà sư kiêm luôn chức năng của thầy giáo, thầy thuốc, thầy tướng số, thầy địa lí, thầy cúng. Chính vì vậy, có thể nói, tính dân gian là một đặc điểm nổi bật nhất của Phật giáo Việt Nam, thể hiện trên nhiều lĩnh vực⁽¹³⁾.

Tất cả những yếu tố nêu trên là nguyên nhân chính làm cho số lượng đối tượng thờ, ngoài Phật giáo, trong khuôn viên ngôi chùa ở Hà Nội đa dạng và phong phú, đáp ứng được nhiều nhu cầu tâm linh cho các tầng lớp nhân dân./.

12. Khái niệm 3 cấp, 4 cấp là của GS. Đặng Nghiêm Vạn. 3 cấp gồm: Nước - Làng - Dòng họ; 4 cấp gồm: Nước - Làng - Dòng họ và Gia đình.

13. Xem: Nguyễn Duy Hinh. *Về hai đặc điểm của Phật giáo Việt Nam*. Trong cuốn: *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1996.